

Bản án số: 118/2021/DS-ST

Ngày 30-9-2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thu Uyên và bà Trần Thị Gấm.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2020/TLST-DS, ngày 08-12-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58a/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021; các Quyết định hoãn phiên tòa số: 91a/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021; số: 118/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021; số: 148/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng E (E).

Trụ sở: Lầu 8, Tòa nhà V, số 72 L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng C – Phó Giám đốc phòng giao dịch L (*Văn bản ủy quyền ngày 27-9-2021*) – Có mặt.

Địa chỉ trụ sở giao dịch: Số 420 L, Phường E A T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Anh Phạm Cao C, sinh năm: 1996 và chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm: 1997 – Điều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18-11-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20-6-2018, anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có vay của Ngân hàng E (viết tắt là Ngân hàng E), phòng giao dịch L, số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 1207 – LAV – 201800582 ngày 20-6-2018 và Khế ước nhận nợ số 1207 – LDS – 201800724 ngày 20-6-2018, thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 20-6-2018; kỳ hạn trả gốc: Cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng/01 lần vào ngày 20 của tháng cuối kỳ; lãi suất cho vay: 11,2%/năm, chu kỳ thay đổi lãi suất 01 tháng/lần; mục đích vay: Đầu tư nông nghiệp.

Để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L thế chấp Quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) đối với thửa đất số 128, tờ bản đồ số 11, diện tích 11410,0m² (đất trồng cây lâu năm), tại Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 304983, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23-5-2018, đứng tên anh Phạm Cao C.

Việc thế chấp tài sản được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 187/2018/EIBBMT-LD-HĐTC ngày 18-6-2018, công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Đắk Nông ngày 18-6-2018; số công chứng 3326, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18-6-2018, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 30-6-2019, tính đến ngày 03-7-2020 số ngày quá hạn là 379 ngày. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L trả nợ nhưng anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng.

Do vậy, Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết các vấn đề sau:

Buộc anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L trả toàn bộ tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03-7-2020 là: 622.661.497 đồng và các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 03-7-2020 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đảm bảo thu hồi nợ thì anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có nghĩa vụ bán tài sản khác và nguồn thu khác để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04-02-2021 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thể hiện: Đặc điểm tứ cận thửa đất xem xét, thẩm định đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 128, tờ bản đồ số 11, diện tích 11410m², tọa lạc tại thôn 8, xã N, huyện Đ mà anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L trả số tiền là 737.904.904 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 29.027.398 đồng, lãi quá hạn là 202.245.205 đồng

và lãi phạt là 6.632.301 đồng (lãi suất tính đến ngày 30-9-2021); đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 30-9-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đảm bảo thu hồi nợ thì anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có nghĩa vụ bán tài sản khác và nguồn thu khác để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Bị đơn anh Phạm Cao C trình bày: Anh thừa nhận còn nợ Ngân hàng E tổng số tiền gốc là: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), và lãi suất theo mức thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Anh C đồng ý tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau khi xét xử cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 1207 – LAV – 201800582 ngày 20-6-2018 và Khế ước nhận nợ số 1207 – LDS – 201800724 ngày 20-6-2018 đã ký kết với Ngân hàng và đồng ý thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh có liên quan theo quy định của pháp luật.

Hiện nay do khó khăn, nên chưa có tiền trả cho ngân hàng, anh C xin Ngân hàng cho chúng tôi trả nợ theo thủ tục Thi hành án dân sự.

Nếu không trả được nợ anh đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý đối với tài sản anh và chị L đã thế chấp tại Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì chúng tôi đồng ý tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L bằng các hình thức niêm yết, tổng đạt trực tiếp, tuy nhiên, chỉ anh Phạm Cao C có mặt để làm việc, chị Nguyễn Thị Hương L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; sau khi lập biên bản hòa giải giữa nguyên đơn với anh Phạm Cao C, Tòa án đã ban hành thông báo kết quả hòa giải cho anh Phạm Cao C nhận cho chị Nguyễn Thị Hương L để chị Nguyễn Thị Hương L thực hiện quyền ý kiến bằng văn bản đối với kết quả hòa giải nhưng do chị Nguyễn Thị Hương L không có văn bản nêu ý kiến về kết quả hòa giải nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Việc triệu tập tham gia phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 bằng các hình thức nêu trên. Tuy nhiên, anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa phương không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, nơi tạm trú.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 737.904.904 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 29.027.398 đồng, lãi quá hạn là 202.245.205 đồng và lãi phạt là 6.632.301 đồng (lãi suất tính đến ngày 30-9-2021); đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 30-9-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đảm bảo thu hồi nợ thì anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có nghĩa vụ bán tài sản khác và nguồn thu khác để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như các bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn; biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L trả số tiền gốc đã vay là 500.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 1201-LAV-201800582 ngày 20-6-2018; Khế ước nhận nợ số: 1201-LDS-201800724 ngày 20-6-2018, đồng thời yêu cầu xử lý thế chấp nếu anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L không trả được nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30-6-2019 anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 18-11-2020 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ. Việc này thể hiện sự tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có vay tiền của Ngân hàng E số tiền 500.000.000 đồng, thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: 1201-LAV-201800582 ngày 20-6-2018; Khế ước nhận nợ số: 1201-LDS-201800724 ngày 20-6-2018, thời hạn vay là: 12 tháng kể từ ngày 20-6-2018; kỳ hạn trả gốc: Cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng/01 lần vào ngày 20; lãi suất cho vay: 11,2%/năm, chu kỳ thay đổi lãi suất 01 tháng/lần; mục đích vay là để sản xuất nông nghiệp. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng E với anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng E yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng E với anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng E đã giải ngân cho anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L số tiền 500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 30-6-2019 anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng là vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Mặc dù Ngân hàng đã làm việc yêu cầu anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L không trả nên việc Ngân hàng E khởi kiện yêu cầu anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng E.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng E với anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L còn nợ gồm lãi trong hạn là 29.027.398 đồng, lãi quá hạn là 202.245.205 đồng và lãi phạt là 6.632.301 đồng (lãi suất tính đến ngày 30-9-2021).

[2.3]. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 187/2018/EIBBMT-LD-HĐTC ngày 18-6-2018 giữa Ngân hàng E với anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L, thấy rằng: Hợp đồng được lập thành văn bản, đúng mẫu, được công chứng

tại Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Đắk Nông ngày 18-6-2018; số công chứng 3326, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18-6-2018, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 128, tờ bản đồ số 11, diện tích 11410m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 304983, ngày 23-5-2018 đứng tên anh Phạm Cao C. Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng E với anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L là hợp pháp, yêu cầu của khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Tòa án đã hoàn trả cho nguyên đơn 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng E.

Buộc anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng E tổng số tiền 737.904.904đ (*Bảy trăm ba mươi bảy triệu chín trăm linh bốn nghìn chín trăm linh bốn đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là 29.027.398đ (*Hai mươi chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*), lãi quá hạn là 202.245.205đ (*Hai trăm linh hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng*) và lãi phạt là

6.632.301đ (*Sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn ba trăm linh một đồng*) (lãi suất tính đến ngày 30-9-2021);

Trường hợp anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng E được quyền phát mại tài sản thế chấp của anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L để đảm bảo việc thu hồi nợ (*Theo hợp đồng thế chấp số 187/2018/EIBBMT-LD-HĐTC ngày 18-6-2018 giữa ngân hàng với anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L*).

Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đảm bảo thu hồi nợ thì anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L có nghĩa vụ bán tài sản khác và nguồn thu khác để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*); do Ngân hàng E đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) nên buộc anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L phải trả cho ngân hàng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả cho Ngân hàng E số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn lại (*Tòa án đã trả*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Phạm Cao C và chị Nguyễn Thị Hương L phải nộp 33.516.000đ (*Ba mươi ba triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng E số tiền 14.453.000đ (*Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002083, ngày 03-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Mã Thị Kỳ